SAO Y; SỞ Y TẾ; Thời gian ký: 2026-08-05T20:43:45+07:00

**Mẫu 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ NĂM 2026

*(Theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính phủ)*

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NAM**
2. Địa chỉ: Tổ 18, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 24/24h tất cả các ngày trong tuần: 07h00-17h00; T2T3T4T5T6
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Văn Diễn | 000341/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; KCB Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Giám đốc, người phụ trách chuyên môn kỹ thuật; Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát. | | |
| 2 | Dương Bá Vương | 000595/ HNA-CCHN | Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh. Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó giám đốc, Bác sĩ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh Nội khoa | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Trần Văn Anh | 001477/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu; Nhi khoa. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó giám đốc, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu; Nhi khoa; Chuyên khoa Nội tiết, tiểu đường. | | |
| 4 | Nguyễn Thị Minh Chung | 000599/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám thai, quản lý thai sản; khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa thông thường; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Trưởng Khoa Ngoại - Phụ, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám thai, quản lý thai sản; Khám bệnh, chữa bệnh phụ khoa thông thường; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | | |
| 5 | Phạm Hoài Nam | 0001787/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng khoa Châm cứu-Dưỡng sinh, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt | | |
| 6 | Đinh Trọng Phương | 0001836/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Thực hiện kỹ thuật tán sỏi ngoài cơ thể | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Trưởng khoa Khám bệnh đa khoa, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thực hiện kỹ thuật tán sỏi ngoài cơ thể; Thực hiện kỹ thuật nội soi Tai mũi họng | | |
| 7 | Nguyễn Thị Hoàn | 000429/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt; thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng khoa Khám bệnh đa khoa; Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt; Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả điện tâm đồ | | |
| 8 | Nguyễn Quốc Trưởng | 0001835/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó khoa PHCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa | | |
| 9 | Nguyễn Trường Thạch | 0001834/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết – Đái tháo đường | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết – Đái tháo đường | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Lê Mạnh Tường | 0003581/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | | |
| 11 | Nguyễn Văn Tuân | 080386/<br>CCHN-BQP | Khám chữa bệnh Nội Khoa; Siêu âm tổng quát (ổ bụng, tim mạch, sản phụ khoa) | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám chữa bệnh Nội Khoa; Siêu âm tổng quát (ổ bụng, tim mạch, sản phụ khoa) | | |
| 12 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 0004189/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bác sĩ khám bệnh chữa bệnh Nội khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu; khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa; Khám bệnh, chữa bệnh tâm thần; khám bệnh, chữa bệnh tai mũi họng. | | |
| 13 | Cao Anh Tuấn | 0003897/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Khám chữa bệnh Nội khoa; khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Tai-Mũi-Họng và thực hiện các kỹ thuật về khám chữa bệnh Tai mũi họng; Khám chữa bệnh Ngoại khoa | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Vũ Văn Dậu | 0001832/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Trưởng khoa Cận lâm sàng, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | | |
| 15 | Cao Đức Cường | 000598/ HNA-CCHN | Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 16 | Vũ Thị Duyên | 0001838/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chuyên khoa Xét nghiệm; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | | |
| 17 | Tạ Quang Huy | 0001840/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng phòng KHTC, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa PHCN tại các khoa lâm sàng khi được phân công | | |
| 18 | Trần Thị Dung | 000600/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Trưởng khoa Nội - Nhi, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Trần Quang Tuyên | 0001830/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng khoa Châm cứu-Dưỡng sinh, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 20 | Trần Huy Du | 003133/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa | | |
| 21 | Nguyễn Văn Hậu | 0001833/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 22 | Quách Công Thắng | 0003312/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 23 | Hoàng Vũ Hiền | 0001839/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 24 | Bùi Thị Phương Thảo | 003481/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng. | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Trương Thị Hồng Hạnh | 0004198/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 26 | Phạm Quang Đông | 0001831/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa PHCN; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Trưởng khoa PHCN, Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa PHCN; Thực hiện kỹ thuật siêu âm tổng quát | | |
| 27 | Trần Trung Đức | 0003786/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | | |
| 28 | Nguyễn Ngọc Khánh | 0003829/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 29 | Trần Thị Trà My | 0003782/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 30 | Vũ Thế Đông | 0003536/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 0004212/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 32 | Trần Thị Thu Hoài | 029095/ HN0-CCHN | Thực hiện khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | | |
| 33 | Dương Thị Thanh Huyền | 0004369/HNA-GPHN | Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |
| 34 | Nguyễn Quốc Đông | 000592/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng phòng KHTH - KSNK, Điều dưỡng trưởng Bệnh viện | | |
| 35 | Trần Thị Minh Xuân | 000400/ HNA-GPHN | Điều dưỡng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng trưởng khoa Châm cứu- Dưỡng sinh; | | |
| 36 | Phạm Thị Thu Hà | 000605/ HNA-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên xét nghiệm | | |
| 37 | Lê Vĩnh Đạt | 000284/HNA-GPHN | Xét nghiệm y học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên xét nghiệm | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | Đào Văn Chí | 0001815/HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; KTV X - Quang; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên X quang; Y sĩ Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN. | | |
| 39 | Đinh Tuấn Đạt | 000590/<br>HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng Trung cấp); KTV X Quang; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên X quang; Y sĩ Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN. | | |
| 40 | Ngô Thị Dung | 0003949/HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 41 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 000607/<br>HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh; Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT và thực hiện kỹ thuật | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | VLTL/PHCN tại khoa lâm sàng khi được phân công | | |
| 42 | Trần Thị Thanh Nhàn | 001467/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng trung cấp | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; thực hiện các kỹ chuyên môn: đối với y sĩ YHCT và kỹ thuật viên VLTL/PHCN | | |
| 43 | Bùi Thị Thủy | 0001823/HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 44 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 0003825/HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 45 | Nguyễn Thị Huệ | 003445/HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 46 | Trần Thị Thu Hà | 000603/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với Y sĩ YHCT | | |
| 47 | Phạm Thị Thủy | 000591/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 48 | Vũ Thị Phương Thảo | 000594/ HNA-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện các kỹ thuật VLTL/PHCN | | |
| 49 | Dương Văn Trưởng | 000587/ HNA-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện các kỹ thuật VLTL/PHCN | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 50 | Vũ Thị Lan | 000597/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại - Phụ; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | | |
| 51 | Trần Thị Hương | 000589/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT. | | |
| 52 | Trần Thị Thanh Huyền | 000601/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | | |
| 53 | Nguyễn Thị Kim Thoa | 000615/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 54 | Trần Thị Hương | 000268/ HNA-GPHN | Điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 55 | Nguyễn Thị Thuỳ Ninh | 000271/HNA -GPHN | Điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 56 | Vũ Khánh Linh | 0003913/HN A-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng cao đẳng. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | | |
| 57 | Quyền Thế Lợi | 000586/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng trưởng khoa PHCN | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 58 | Nguyễn Thị Thu Hương | 000611/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học, Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 59 | Hoàng Thị Xuyên | 000609/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 60 | Trần Thị Hoàn | 000602/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Kỹ thuật viên PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 61 | Vũ Thị Bích Thảo | 000263/ HNA-GPHN | Điều dưỡng; Kỹ thuật viên PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Kỹ thuật viên PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 62 | Lê Thị Thanh Thúy | 000614/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 63 | Nguyễn Thị Lan Anh | 0004054/HNA-CCHN | Kỹ thuật viên phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên phục hồi chức năng | | |
| 64 | Nguyễn Minh Hải | 000596/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng trưởng khoa Nội – Nhi; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | | |
| 65 | Trần Thị Thúy | 000610/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (đối với điều dưỡng đại học); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 66 | Đỗ Thị Lệ Yến | 000617/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên PHCN, Điều dưỡng viên, Y sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng Trung cấp); Kỹ thuật viên PHCN | | | | |
| 67 | Đinh Thị Nhi | 000616/ HNA-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với Điều dưỡng Trung cấp); Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên, Y sĩ khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | | |
| 68 | Nguyễn Thị Bùi | 000612/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học. Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 69 | Chu Văn An | 000618/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Phạm Thị Thu Thảo | 002827/ HNA-CCHN | Kỹ thuật viên VLTL và PHCN; Điều dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật viên VLTL và PHCN; Điều dưỡng viên; | | |
| 71 | Nguyễn Thị Thu Phương | 000063/HNA -GPHN | Điều dưỡng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 72 | Nguyễn Thị Thu Trang | 0003805/HN A-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng cao đẳng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 73 | Nguyễn Thị Huyền | 000148/ HNA-GPHN | Điều dưỡng | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; Thực hiện kỹ thuật VLTL và PHCN; Được phép thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo quy định đối với y sĩ YHCT | | |
| 74 | Nguyễn Việt Hà | 0002662/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với điều dưỡng đại học | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 75 | Đỗ Thị Kim Ngân | 002895/ HNA-CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên; | | |
| 76 | Trần Thị Huyền Trang | 565/HNA-CCHND | Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau:<br>- Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc;<br>- Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc;<br>- Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của tủ thuốc trạm y tế xã. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Phó trưởng khoa, phụ trách khoa Dược – Vật tư y tế | | |
| 77 | Nguyễn Xuân Huỳnh | 130/HNA-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược với các hình thức tổ chức kinh doanh: nhà thuốc | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Dược sĩ đại học | | |
| 78 | Trần Thị Bích Hạnh | 2406/CCHN-D-SYT-NB | Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế xã. | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Dược sĩ đại học | | |
| 79 | Trần Thị Thiếp | 2462/CCHN-D-SYT-HNA | Bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành dược. Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Dược sĩ cao đẳng | | |
| 80 | Trần Thị Phượng | 2461/CCHN-D-SYT-HNA | Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc | 7h00 – 17h00 T2T3T4T5T6 | Dược sĩ cao đẳng | | |

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 88 | Đinh Thị Thu Nga | 00293/HNO-CCHND | Đủ điều kiện hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc sau:<br>- HTX, hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu<br>- HTX, hộ kinh doanh cá thể bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu<br>- Đại lý bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế<br>- Quầy thuốc<br>- Đại lý bán thuốc doanh nghiệp<br>- Tủ thuốc của trạm y tế<br>- Cơ sở bán lẻ thuốc đông y từ dược liệu | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Dược sĩ trung học | | |
| 89 | Nguyễn Trung Hiếu | 001923/NB-GPHN | Phục hồi chức năng | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Kỹ thuật Y | | |

*Phủ Lý, ngày 03 tháng 08 năm 2026*

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NAM

**Hà Văn Diễn**

| STT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 81 | Trần Thanh Huyền | 2460/CCHN-D-SYT-HNA | Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Dược sĩ cao đẳng | | |
| 82 | Doãn Trung Thành | 2498/CCHN-D-SYT-HNA | Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Dược sĩ cao đẳng | | |
| 83 | Bùi Thị Minh Phương | 2602/CCHN-D-SYT-HNA | Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau:<br>- Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc.<br>- Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của tủ thuốc trạm y tế xã. | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Dược sĩ cao đẳng | | |
| 84 | Nguyễn Hoài Dương | 000257/HNA-GPHN | Điều dưỡng | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 85 | Nguyễn Thị Minh | 000261/HNA-GPHN | Y học cổ truyền | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT. | | |
| 86 | Phạm Thu Cúc | 000136/ HNA-GPHN | Điều dưỡng | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Điều dưỡng viên | | |
| 87 | Đồng Thị Thuý | 007867/HNO-GPHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | 7h00 – 17h00<br>T2T3T4T5T6 | Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT | | |